Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số "*Tám mươi nghìn bốn trăm hai mươi tám*" được viết là:

A. 84 428 B. 80 428 C. 80 248 D. 84 208

Câu 2. Số bé nhất trong các số 45 875; 96 054; 43 022; 15 563 là:

A. 45 875 B. 96 054 C. 43 022 D. 15 563

Câu 3. Giá trị của biểu thức 500 × m – 3 với m = 4 là:

A. 1998 B. 2000 C. 1997 D. 1999

Câu 4: Số liền trước của số lớn nhất có 6 chữ số khác nhau là:

A. 999 999 B. 876 549 C. 978 564 D. 987 653

Câu 5: Tìm một số, biết rằng số đó chia cho 7 thì được thương là 1056.

A. 7392 B. 7391 C. 7390 D. 7393

Câu 6. Một số chia cho 8 được thương là 2682, vậy thương của số đó với 4 là:

A. 6824 B. 6842 C. 5364 D. 5366

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

76478 + 15007	61932 – 8502	4209 × 7	86325 : 5
……	……	……	……
……	……	……	……
……	……	……	……

BUTVANG.VN

Bài 2: Tìm *x*:

$3006 + x = 86042 : 2$

……
……
……

$x - 4960 = 5000 \times 6$

……
……
……

Bài 3: Tính giá trị biểu thức:

$6807 + n \times 5204$ với $n = 5$

……
……
……
……

$7325 \times a : 2$ với $a = 6$

……
……
……
……

Bài 4: Một xưởng may ngày thứ nhất may được 5550 cái áo, ngày thứ hai may được gấp 5 lần ngày thứ nhất. Hỏi cả hai ngày xưởng may đó may được bao nhiêu cái áo?

Bài giải

……
……
……
……
……

Bài 5: Nhà bác Minh có một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 25m, chiều dài hơn chiều rộng 900cm. Tính chu vi mảnh vườn nhà bác Minh.

Bài giải

……
……
……
……
……

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm): Khoanh đúng mỗi bài cho 0,5 điểm

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	C	D	A	C

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$\begin{array}{r} 76478 \\ +\ 15007 \\ \hline 91485 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 61932 \\ -\ 8502 \\ \hline 53430 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 4209 \\ \times\ 7 \\ \hline 29463 \end{array} \qquad \begin{array}{r|l} 86325 & 5 \\ \cline{2-2} 36 & 17265 \\ \cline{1-1} 13 & \\ 32 & \\ 25 & \\ 0 & \end{array}$$

Bài 2: Tìm *x*: (1 điểm)

$3006 + x = 86042 : 2$

$3006 + x = 43021$

$x = 43021 - 3006$

$x = 40015$

$x - 4960 = 500 \times 6$

$x - 4960 = 3000$

$x = 3000 + 4960$

$x = 7960$

Bài 3: Tính giá trị biểu thức: (1 điểm)

$6807 + n \times 5204$ với $n = 5$

Với n = 5, ta có:

$6807 + 5 \times 5204$

$= 6807 + 26020$

$= 32827$

$7325 \times a : 2$ với $a = 6$

Với a = 6, ta có:

$7325 \times 6 : 2$

$= 43950 : 2$

$= 21975$

Bài 4: (1,5 điểm)

Bài giải

Ngày thứ hai xưởng may đó may được số cái áo là:

$5550 \times 5 = 27750$ (cái)

Cả hai ngày xưởng may đó may được số cái áo là:

BUTVANG.VN

27750 + 5550 = 33300 (cái)

Đáp số: 33300 cái áo.

Bài 5: (1,5 điểm)

Bài giải

Đổi 900cm = 9m

Chiều rộng mảnh vườn hình chữ nhật là:

25 – 9 = 16 (m)

Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là:

(25 + 16) × 2 = 82 (m)

Đáp số: 82m.

BUTVANG.VN

Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Số gồm: *5 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 3 trăm, 2 đơn vị* là:

A. 560 302 B. 563 002 C. 536 020 D. 506 032

Câu 2: Số 86 210 được viết thành tổng là:

A. 80000 + 6000 + 200 + 10 B. 80000 + 6000 + 300 + 10

C. 80000 + 2000 + 600 + 10 D. 80000 + 6000 + 300 + 20

Câu 3: Chữ số thuộc lớp triệu trong số 421 083 614 là những chữ số nào?

A. 7; 8; 3 B. 4; 2; 1 C. 6; 1; 4 D. 0; 8; 3

Câu 4: Cho dãy số sau: 245 270; 245 280; 245 290; …; …; … .

Những số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 245 230; 245 240; 245 250 B. 245 200; 245 210; 245 220

C. 245 300; 245 310; 245 320 D. 245 291; 245 292; 245 293

Câu 5: Giá trị của biểu thức 973650 : 5 – 765 là bao nhiêu?

A. 194 730 B. 193 967 C. 193 966 D. 193 965

Câu 6: Giá trị của biểu thức 3088 × m – 540 + m với m = 9 là:

A. 23 480 B. 27 261 C. 32 010 D. 23 010

PHẦN II. TỰ LUẬN.

Bài 1: Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu): 452 705 ; 763 200 ; 999 999

Mẫu: 648 204 = 600000 + 40000 + 8000 + 200 + 4

…….

…….

…….

BUTVANG.VN

Bài 2: Tìm *x* biết:

$x \times 2 = 323440$ $\qquad$ $x : 5 = 13005$

…… $\qquad$ ……

…… $\qquad$ ……

Bài 3: Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào ô trống:

816 265 ☐ 816 268 $\qquad$ 505 420 ☐ 505 428

862 377 ☐ 86 813 $\qquad$ 999 999 ☐ 999 999

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

5 giờ 6 phút = …… phút $\qquad$ 3 tấn 90kg = …… kg

8 phút 25 giây = ……giây $\qquad$ 2 tạ 6 yến = …… kg

7 giờ 35 phút = …… phút $\qquad$ 5 yến 90kg = …… kg

4 phút 55 giây = ……giây $\qquad$ 7 tạ 2 yến = …… kg

Bài 5: Ba xe tải chở gạo, xe thứ nhất chở được 5500 bao gạo, xe thứ hai chở được ít hơn xe thứ nhất là 500 bao gạo, xe thứ ba chở bằng $\frac{1}{2}$ tổng số gạo của hai xe trên. Hỏi trung bình mỗi xe chở được bao nhiêu bao gạo?

Bài giải

……

……

……

……

……

……

……

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	A	B	C	D	B

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu): 452 705 ; 763 200 ; 999 999 (1,5 điểm)

425 705 = 400000 + 20000 + 5000 + 700 + 5

763 200 = 700000 + 60000 + 3000 + 200

999 999 = 900000 + 90000 + 9000 + 900 + 90 + 9

Bài 2: Tìm *x* biết: (1 điểm)

$x \times 2 = 323440$
$x = 323440 : 2$
$x = 161720$

$x : 5 = 13005$
$x = 13005 \times 5$
$x = 65025$

Bài 3: Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào ô trống: (2 điểm)

816 265 < 816 268

505 420 < 505 428

862 377 > 86 813

999 999 = 999 999

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

5 giờ 6 phút = 306 phút

8 phút 25 giây = 505 giây

7 giờ 35 phút = 455 phút

4 phút 55 giây = 295 giây

3 tấn 90kg = 3090 kg

2 tạ 6 yến = 260 kg

5 yến 90kg = 140 kg

7 tạ 2 yến = 720 kg

Bài 5: (1,5 điểm)

Bài giải

Xe thứ hai chở được số bao gạo là:

5500 – 500 = 5000 (bao)

Xe thứ ba chở được số bao gạo là:

BUTVANG.VN

(5500 + 5000) : 2 = 5250 (bao)

Trung bình mỗi xe chở được số bao gạo là:

(5500 + 5000 + 5250) : 3 = 5250 (bao)

Đáp số: 5250 bao.

BUTVANG.VN

Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1: Giá trị của biểu thức: 35840 + 2067 + 69 là:

A. 37 976 B. 36 976 C. 37 977 D. 37 878

Câu 2: Thương của 90 005 với 5 là:

A. 19 001 B. 18 001 C. 19 0001 D. 18 002

Câu 3: Biết tổng và hiệu của hai số lần lượt là 950 và 26. Số bé là:

A. 488 B. 461 C. 462 D. 924

Câu 4: Tính giá trị của biểu thức: 99 999 – m – n với m = 333; n = 405.

A. 99 263 B. 99 260 C. 99 262 D. 99 261

Câu 5: Trong các góc dưới đây, góc nào là góc nhọn?

A. B. C. D.

Câu 6: Tìm số lớn, biết tổng hai số là số lớn nhất có bốn chữ số và hiệu hai số là số lớn nhất có hai chữ số.

A. 5049 B. 4950 C. 5960 D. 9064

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

50660 + 24405	70490 – 12006	46076 + 14577	99999 – 30528
……	……	……	……
……	……	……	……
……	……	……	……

BUTVANG.VN

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức: m × (n – p).

Với m = 100; n = 256 và p = 248

……
……
……

Với m = 666; n = 75 và p = 67

……
……
……

Bài 3: Tìm *x*, biết:

$x - 56741 = 2750 : 2$

……
……
……

$49745 - x = 6243 \times 5$

……
……
……

Bài 4: Một cửa hàng bán một lượng xăng dầu trong 4 ngày. Biết trong 2 ngày đầu đã bán được 5500*l* xăng; 2 ngày còn lại, mỗi ngày bán được 1500*l* xăng. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu lít xăng?

Bài giải

……
……
……
……
……

Bài 5: Tính tổng của số chẵn nhỏ nhất có 6 chữ số khác nhau và số lẻ lớn nhất có 5 chữ số khác nhau.

Bài giải

……
……
……
……
……

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

Phần I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	C	D	A	A

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$\begin{array}{r} 50660 \\ +\ 24405 \\ \hline 75065 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 70490 \\ -\ 12006 \\ \hline 58484 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 46076 \\ +\ 14577 \\ \hline 60653 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 99999 \\ -\ 30528 \\ \hline 69471 \end{array}$$

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức: m × (n – p). (1 điểm)

Với m = 100; n = 256 và p = 248

Ta có:

m × (n – p) = 100 × (256 – 248)

= 100 × 8 = 800

Với m = 666; n = 75 và p = 67

Ta có:

m × (n – p) = 666 × (75 – 67)

= 666 × 8 = 5328

Bài 3: Tìm *x*, biết: (1 điểm)

x – 56741 = 2750 : 2

x – 56741 = 1375

x = 1375 + 56741

x = 58116

49745 – x = 6243 × 5

49745 – x = 31215

x = 49745 – 31215

x = 18530

Bài 4: (1,5 điểm)

Bài giải

Số lít xăng 2 ngày còn lại bán được là:

1500 × 2 = 3000 (*l*)

Trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số lít xăng là:

(5500 + 3000) : 4 = 2125 (*l*)

Đáp số: 2125 lít xăng.

BUTVANG.VN

Bài 5: (1,5 điểm)

Bài giải

Số chẵn nhỏ nhất có 6 chữ số khác nhau là: 102346

Số lẻ lớn nhất có 5 chữ số khác nhau là: 98765

Tổng của hai số trên là:

102346 + 98765 = 201111

Đáp số: 201111.

BUTVANG.VN

Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1. Số "*Hai trăm năm mươi tư triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm mười tám*" là:

A. 254 574 808 B. 254 574 810 C. 254 754 818 D. 254 574 818

Câu 2. Chữ số 2 trong số 92 567 413 là:

A. 2 000 000 B. 200 000 C. 20 000 000 D. 20 000

Câu 3: Số bé nhất có bốn chữ số khác nhau viết từ bốn chữ số 1; 5; 3; 0 là:

A. 1530 B. 1350 C. 1035 D. 1305

Câu 4: Số liền trước của số 621 782 là:

A. 621 781 B. 622 782 C. 621 783 D. 622 783

Câu 5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 7 tấn 18kg = …… kg.

A. 70 018 B. 700 018 C. 7018 D. 718

Câu 6: Giá trị của biểu thức: 30069 + 4000 × 5 là bao nhiêu?

A. 50 069 B. 50 068 C. 50 067 D. 50 066

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

49502 + 49409	85490 – 12987	46076 + 14577	58371 – 20418
……	……	……	……
……	……	……	……
……	……	……	……

BUTVANG.VN

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức:

33300 – 4500 × (10000 – 9999)

……
……
……

(4600 + 400) × 5 – 20000

……
……
……

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a. 125 + 258 + 75 + 42

…….....
…….....
…….....

b. 452 – 189 + 248 – 311

……...
……...
……...

Bài 4: Một quyển truyện hình chữ nhật có nửa chu vi là 45cm. Biết chiều rộng là 18cm. Tính diện tích quyển truyện hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Ngăn thứ nhất có 1006 quyển sách. Ngăn thứ hai nhiều hơn ngăn thứ nhất 65 quyển nhưng lại ít hơn ngăn thứ ba 88 quyển. Tính số quyển sách ở cả ba ngăn.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	A	C	A	C	A

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$\begin{array}{r} 49502 \\ +\ 49409 \\ \hline 98911 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 85490 \\ -\ 12987 \\ \hline 72503 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 46076 \\ +\ 14577 \\ \hline 60653 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 58371 \\ -\ 20418 \\ \hline 37953 \end{array}$$

Bài 2: Tính giá trị của biểu thức: (1 điểm)

33300 – 4500 × (10000 – 9999)

= 33300 – 4500 × 1

= 33300 – 4500

= 28800

(4600 + 400) × 5 – 20000

= 5000 × 5 – 20000

= 25000 – 20000

= 5000

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất: (1 điểm)

a. 125 + 258 + 75 + 42

= (125 + 75) + (258 + 42)

= 130 + 300

= 430

b. 452 – 189 + 248 – 311

= (452 + 248) – (189 + 311)

= 700 – 500

= 200

Bài 4: (1,5 điểm)

Bài giải

Chiều dài quyển truyện hình chữ nhật là:

45 – 18 = 27 (cm)

Diện tích quyển truyện hình chữ nhật là:

27 × 18 = 486 (cm^2)

Đáp số: 486cm^2.

BUTVANG.VN

Bài 5: (1,5 điểm)

Bài giải

Số quyển sách ở ngăn thứ hai là:

1006 + 65 = 1071 (quyển)

Số quyển sách ở ngăn thứ ba là:

1071 + 88 = 1159 (quyển)

Số quyển sách ở cả ba ngăn là:

1006 + 1071 + 1159 = 3236 (quyển)

Đáp số: 3236 quyển sách.

BUTVANG.VN

Họ và tên : …… Thứ ……. ngày…. tháng… năm ……

Lớp: 4

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

(Thời gian: 35 phút)

Điểm	**Nhận xét của Thầy Cô** …… ……	*Giáo viên chấm* *(Kí và ghi rõ họ tên)*

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Trong các hình sau, hình vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau là:

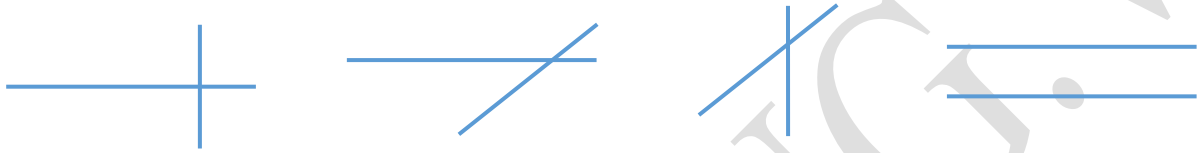

Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4

A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 2: Không thực hiện phép tính. Tìm *x*, biết 55 + *x* = 39905 + 55

A. *x* = 39 B. *x* = 39 905 C. *x* = 13 067 760 D. *x* = 13 966 770

Câu 3: Cho hình bên:

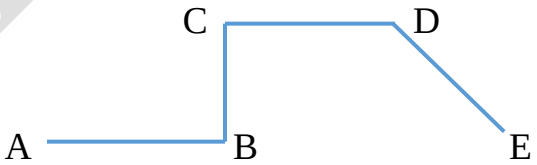

Cặp cạnh vuông góc với nhau là:

A. AB và BC B. CD và DE

C. CB và DE D. Đáp án A và C

Câu 4: Tổng của hai số bằng 24, hiệu của chúng bằng 10. Số lơn là:

A. 14 B. 15 C. 5 D. 17

Câu 5. Tính giá trị của biểu thức m : n × p khi m = 72 ; n = 8 và p = 5

A. 14 và 10 B. 40 C. 45 D. 50

Câu 6: Khối lớp 4 tham gia trồng cây, trong đó lớp 4A trồng được 30 cây, lớp 4B trồng được 40 cây và lớp 4C trồng được 20 cây. Trung bình mỗi lớp trồng được số cây là:

A. 90 cây B. 30 cây C. 20 cây D. 25 cây

BUTVANG.VN

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

406005 + 251038	872695 – 445046	386045 + 264901	926799 – 504910
……	……	……	……
……	……	……	……
……	……	……	……

Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

2572 + 686 + 428	6234 + 7598 + 3766
……	……
……	……
……	……

Bài 3: Tổng số tuổi của bố và Mai là 46 tuổi. Biết rằng cách đây 5 năm Mai kém bố 28 tuổi. Tính số tuổi của mỗi người.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Một bể bơi hình chữ nhật có chu vi là 60m. Chiều dài hơn chiều rộng 12m. Tính diện tích bể bơi đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

BUTVANG.VN

.....

.....

.....

.....

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH!

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

I. Trắc nghiệm *(3 điểm)*

1. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
Đáp án	A	B	A	D	C	B

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$\begin{array}{r} 406005 \\ +\ \underline{251038} \\ 657043 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 872695 \\ -\ \underline{445046} \\ 427649 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 386045 \\ +\ \underline{264901} \\ 650946 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 926799 \\ -\ \underline{504910} \\ 421889 \end{array}$$

Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện nhất: (1 điểm)

2572 + 686 + 428
= (2572 + 428) + 686
= 3000 + 686
= 3686

6234 + 7598 + 3766
= (6234 + 3766) + 7598
= 10000 + 7598
= 17598

Bài 3: (2 điểm)

Bài giải

Vì mỗi năm mỗi người đều tăng lên 1 tuổi, nên 5 năm trước bố hơn Mai 28 tuổi thì 5 năm sau bố vẫn hơn Mai 28 tuổi.

Số tuổi của Lan là:

(46 – 28) : 2 = 9 (tuổi)

Số tuổi của bố là:

46 – 9 = 37 (tuổi)

Đáp số: Bố: 37 tuổi;

Mai: 9 tuổi.

BUTVANG.VN

Bài 4: (2 điểm)

Bài giải

Nửa chu vi bể bơi hình chữ nhật là:

60 : 2 = 30 (m)

Chiều rộng bể bơi hình chữ nhật là:

(30 – 12) : 2 = 9 (m)

Chiều dài bể bơi hình chữ nhật là:

30 – 9 = 21 (m)

Diện tích bể bơi hình chữ nhật là:

21 × 9 = 189 (m^2)

Đáp số: 189m^2

BUTVANG.VN